**Danh sách dự thảo và quy định có hiệu lực về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động,   
thực vật của các thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) từ ngày 21/01-20/02/2023**

1. **Danh sách dự thảo lấy ý kiến góp ý**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **File** |
| 1 | G/SPS/N/JPN/1175 | CN, TY | Nhật Bản | 20/02/2023 | Chỉ định L-Histidine Monohydrochloride m  Monohydrate làm phụ gia thức ăn chăn nuôi | Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản sẽ chỉ định L-Histidine Monohydrochloride Monohydrate làm phụ gia thức ăn chăn nuôi và thiết lập các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật theo sắc lệnh cấp bộ trong "Thông báo: về chỉ định phụ gia thức ăn chăn nuôi (Thông báo số 750 của MAFF ban hành ngày 24 tháng 7 năm 1976)” và “Sắc lệnh Bộ trưởng về Quy cách và Tiêu chuẩn thức ăn và phụ gia thức ăn chăn nuôi” (Pháp lệnh số 35 ngày 24 tháng 7 năm 1976 của Bộ Nông Lâm nghiệp). (Đề xuất sửa đổi) L-Histidine Monohydrochloride Monohydrate được phép sử dụng làm phụ gia thức ăn chăn nuôi. |
| 2 | G/SPS/N/CAN/1478 | ATTP, CT | Canada | 20/02/2023 | Thông báo về việc sửa đổi danh sách các chất tạo ngọt được phép để mở rộng việc sử dụng erythritol cho ngũ cốc ăn sáng ăn liền và lớp phủ bên ngoài | Tổng cục Thực phẩm của Bộ Y tế Canada đã hoàn thành đánh giá an toàn trước khi đưa ra thị trường đối với phụ gia thực phẩm xin cấp phép sử dụng erythritol trong granola và các loại ngũ cốc ăn liền (RTE) và lớp phủ cho ngũ cốc ăn liền cho bữa ăn sáng.  Erythritol đã được phép sử dụng làm phụ gia thực phẩm trong nhiều loại thực phẩm ở Canada. Kết quả đánh giá trước khi đưa ra thị trường cho thấy sự an toàn của erythritol đối với các mục đích sử dụng được yêu cầu. Do đó, Bộ Y tế Canada đã cho phép sử dụng erythritol được mô tả trong tài liệu thông tin bên dưới bằng cách sửa đổi danh sách chất tạo ngọt được phép, có hiệu lực từ ngày 2 tháng 2 năm 2023.  Mục đích của thông tin liên lạc này là thông báo quyết định của Bộ về vấn đề này và cung cấp thông tin liên hệ thích hợp cho những người muốn gửi yêu cầu hoặc thông tin khoa học mới liên quan đến sự an toàn của phụ gia thực phẩm này. |
| 3 | G/SPS/N/CAN/1477 | ATTP, CT | Canada | 20/02/2023 | Thông báo sửa đổi danh sách thực phẩm được phép sử dụng enzyme để cho phép sử dụng lactase từ Bacillus subtilis DH617 trong các chế phẩm enzyme khử lactose và Một số Thực phẩm từ Sữa. | Tổng cục Thực phẩm của Bộ Y tế Canada đã hoàn thành đánh giá mức độ an toàn trước khi đưa ra thị trường đối với phụ gia thực phẩm nhằm được sự chấp thuận cho việc sử dụng lactase từ *Bacillus subtilis* DH617 trong một số loại thực phẩm từ sữa.  Lactase từ các nguồn khác đã được phép sử dụng ở Canada trong các chế phẩm enzyme khử lactoza và một số sản phẩm từ sữa. Trước thông báo này, B*. subtilis* DH617 không phải là nguồn được phép cung cấp bất kỳ enzym thực phẩm nào ở Canada.  Kết quả đánh giá trước khi đưa ra thị trường chứng minh tính an toàn của lactase từ *B. subtilis* DH617 cho các mục đích sử dụng. Do đó, Bộ Y tế Canada đã cho phép sử dụng lactase từ nguồn này như được mô tả trong tài liệu thông tin bên dưới bằng cách sửa đổi danh sách các enzyme thực phẩm được phép, có hiệu lực từ ngày 6 tháng 2 năm 2023.  Mục đích của thông tin liên lạc này là thông báo công khai quyết định của Bộ về vấn đề này và cung cấp thông tin liên hệ thích hợp cho những người muốn gửi yêu cầu hoặc thông tin khoa học mới liên quan đến sự an toàn của phụ gia thực phẩm này. |
| 4 | G/SPS/N/UKR/197 | BVTV, CT, CLCBPTTT | U-crai-na | 17/02/2023 | Lệnh của Bộ Y tế U-crai-na số 2374 "Về việc phê duyệt các Yêu cầu đối với vật liệu và vật phẩm làm từ màng cellulose tái sinh dùng để tiếp xúc với thực phẩm" ngày 29 tháng 12 năm 2022 | U-crai-na thông báo về việc thông qua Lệnh của Bộ Y tế số 2374 "Về việc phê duyệt các Yêu cầu đối với vật liệu và vật phẩm làm từ màng xenlulô tái sinh tiếp xúc với thực phẩm" ngày 29 tháng 12 năm 2022 đặt ra các yêu cầu đối với vật liệu và vật phẩm làm từ màng cellulose tái sinh dùng để tiếp xúc với thực phẩm.  Các yêu cầu áp dụng cho màng xenlulô tái sinh tiếp xúc với thực phẩm hoặc tiếp xúc như vậy và:  − Bản thân cấu thành từ một sản phẩm hoàn thiện; hoặc  − Tạo thành một phần của sản phẩm hoàn chỉnh có chứa các vật liệu khác.  Các yêu cầu không áp dụng cho vỏ bọc tổng hợp được làm từ cellulose tái sinh.  Với việc thông qua Lệnh, U-crai-na thực hiện các quy định được quy định trong Chỉ thị của Ủy ban 2007/42/EC ngày 29 tháng 6 năm 2007 liên quan đến các vật liệu và vật phẩm làm từ màng xenlulo tái sinh có ý định tiếp xúc với thực phẩm.  Lệnh cũng được thông báo theo Hiệp định TBT. |
| 5 | G/SPS/N/TPKM/606 | CT | Đài Loan | 17/02/2023 | Dự thảo về hạn chế sử dụng và yêu cầu ghi nhãn đối với chiết xuất hạt súp lơ xanh (*Brassica oleracea var. italica*) như một thành phần thực phẩm | Dự thảo quy định này nêu rõ các hạn chế sử dụng và yêu cầu ghi nhãn đối với chiết xuất hạt súp lơ xanh (*Brassica oleracea var*. *italica*) cho mục đích thực phẩm. |
| 6 | G/SPS/N/THA/618 | TY | Thái Lan | 17/02/2023 | Lệnh của DLD về việc tạm ngừng nhập khẩu gia cầm sống và xác gia cầm từ Việt Nam để ngăn chặn sự lây lan của Cúm gia cầm độc lực cao (Subtype H5N1) | Theo thông báo của Công báo Chính phủ Thái Lan ngày 12 tháng 10 năm 2022, việc tạm ngừng nhập khẩu gia cầm sống và thân thịt gia cầm từ Việt Nam kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2022 đã hết hiệu lực vào ngày 11 tháng 1 năm 2023. Tuy nhiên, WOAH đã báo cáo về sự bùng phát liên tục của các loại gia cầm có mầm bệnh cao, cúm (HPAI) trên địa bàn Việt Nam. Do đó, Thái Lan cần ngăn chặn sự xâm nhập của bệnh cúm gia cầm độc lực cao (HPAI) vào nước này. Theo Đạo luật Dịch tễ Động vật B.E. 2558 (2015), việc nhập khẩu gia cầm sống và thân thịt gia cầm từ Việt Nam tiếp tục đình chỉ trong thời gian 90 ngày kể từ ngày đăng trên Công báo Hoàng gia Thái Lan (ngày 6 tháng 2 năm 2023). |
| 7 | G/SPS/N/BRA/2139 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 17/02/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1147, ngày 10 tháng 2 năm 2023 | Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất A71 - 1 aminocyclopropane-1-cacboxylic acid vào danh mục chuyên khảo các hoạt chất thuốc trừ sâu, tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, xuất bản bởi Hướng dẫn tiêu chuẩn số 103 - Ngày 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Brazil (DOU - Diário Oficial da União). |
| 8 | G/SPS/N/BRA/2138 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 17/02/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1146, ngày 10 tháng 2 năm 2023 | Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất T80-(Z)-tricos-9-ene vào danh mục chuyên khảo các hoạt chất thuốc trừ sâu, tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, do Chỉ thị quy phạm phát hành số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Brazil (DOU - Diário Oficial da União). |
| 9 | G/SPS/N/BRA/2137 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 17/02/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1145, ngày 10 tháng 2 năm 2023 | Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất B62 - brevibacillus parabrevis vào danh mục chuyên khảo các hoạt chất dùng cho thuốc trừ sâu, tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Chỉ thị quy phạm số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Brazil (DOU - Diário Oficial da União). |
| 10 | G/SPS/N/BRA/2136 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 17/02/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1144, ngày 09 tháng 02 năm 2023. | Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa hoạt chất S24: sedaxane vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Chỉ thị quy phạm số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Brazil. Công báo (DOU - Diário Oficial da União). 7. Mục tiêu và lý do: [X] thức ăn |
| 11 | G/SPS/N/BRA/2135 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 17/02/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1142, ngày 9 tháng 2 năm 2023 | Dự thảo nghị quyết này đề xuất đưa các hoạt chất a26 – azoxystrobin, b29 – buprofezine, b37 – potassium bicarbonate, c63 – lambda-cyyothrine, c70 – chloranthraniliprole, c74 – cyantraniliprole, d25 – diurom, d36 - diphenoconazole, f49 – fludioxonil, f50 – phostiazate, và f68 - fluxapyroxade vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn quy chuẩn số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Brazil (DOU - Diário Chính thức của União) |
| 12 | G/SPS/N/BRA/2134 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 17/02/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1141, ngày 9 tháng 2 năm 2023. | Dự thảo nghị quyết này đưa hoạt chất D59 - dipropyridaz vào danh mục chuyên khảo về hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn tiêu chuẩn số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Brazil. Công báo (DOU - Diário Oficial da União) |
| 13 | G/SPS/N/BRA/2133 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 17/02/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1140, ngày 9 tháng 2 năm 2023. | Dự thảo nghị quyết này đưa hoạt chất P70: piribencarb vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Chỉ thị quy phạm số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Brazil Công báo (DOU - Diário Oficial da União). |
| 14 | G/SPS/N/BRA/2132 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 17/02/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1143, ngày 9 tháng 2 năm 2023 | Dự thảo nghị quyết này đưa các hoạt chất b26 – bifentrine, f74 – phenpropidine, i13 – imidacloprid, i26 – ipconazole, m17 – metomyl, m31 – metalaxyl-m, p61 – pyroxasulphone, s13 – s -metolacchlor, t12 – tiabendazole, t39 – terbutylazine, t70 – tolfenpirad và z04 – zoxamide trong danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt chất cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn quy chuẩn số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên trang web chính thức của Brazil Công báo (DOU - Diário Oficial da União). |
| 15 | G/SPS/N/TPKM/604 | TY | Đài Loan | 16/02/2023 | Dự thảo "Hướng dẫn hoạt động nhập khẩu gia cầm một ngày tuổi và trứng được thụ tinh từ các cơ sở được chỉ định" | Hướng dẫn hoạt động nhằm mục đích bổ sung, đình chỉ và thu hồi các cơ sở được chỉ định ban hành theo Điểm 2 Khoản 2 Điều 4 của "Quy định nhập khẩu đối tượng phải kiểm dịch động vật". |
| 16 | G/SPS/N/EU/614 | CT | Liên minh châu Âu | 16/02/2023 | Dự thảo sửa đổi Quy định ủy nhiệm (EU) 2021/630 liên quan đến chế phẩm để làm đồ uống có chứa ca cao, một số loại thực phẩm chế biến sẵn từ ngũ cốc hoặc các sản phẩm ngũ cốc, một số loại thực phẩm chế biến sẵn từ gạo và các loại ngũ cốc khác, một số loại khoai tây chiên và khoai tây chiên giòn, và một số loại nước sốt và gia vị trong danh sách các sản phẩm tổng hợp được miễn kiểm soát chính thức tại các chốt kiểm soát biên giới và sửa đổi Phụ lục I và III của Quy định ủy nhiệm (EU) 2019/2122 | Mục đích của Quy định này là mở rộng danh sách các sản phẩm hỗn hợp được bảo quản được miễn kiểm soát chính thức tại các chốt kiểm soát biên giới trong Quy định ủy nhiệm (EU) 2021/630 bao gồm cả các chế phẩm để làm đồ uống có chứa ca cao, các sản phẩm thu được từ ngũ cốc hoặc các sản phẩm ngũ cốc, thực phẩm chế biến sẵn từ gạo và các loại ngũ cốc khác, một số loại khoai tây chiên và khoai tây chiên giòn, miso và nước tương có chứa một lượng nhỏ súp cá. Do Phụ lục của Quy định ủy nhiệm (EU) 2021/630 được sửa đổi bao gồm các sản phẩm tổng hợp mới được miễn kiểm soát chính thức tại các chốt kiểm soát biên giới, Quy định ủy nhiệm (EU) 2019/2122 được sửa đổi tương ứng để:  -Bao gồm danh sách các sản phẩm tổng hợp mới được quảng cáo ở tất cả các điểm gia nhập Liên minh;  -Miễn các sản phẩm tổng hợp mới khỏi sự kiểm soát chính thức tại các chốt kiểm soát biên giới khi chúng là một phần của hành lý cá nhân của hành khách. |
| 17 | G/SPS/N/TPKM/603 | TY, CT | Đài Loan | 15/02/2023 | Dự thảo về Hạn chế sử dụng và Yêu cầu ghi nhãn đối với Lysozyme thủy phân lòng trắng trứng gà mái như một thành phần thực phẩm | Dự thảo quy định này nêu rõ các hạn chế sử dụng và yêu cầu ghi nhãn đối với sản phẩm thủy phân lysozyme lòng trắng trứng gà mái dùng cho mục đích thực phẩm. |
| 18 | G/SPS/N/CHE/87 /Add.2 | CN, TY | Chi Lê | 15/02/2023 | Sửa đổi Phụ lục 2 của Pháp lệnh ngày 26 tháng 10 năm 2011 về sản xuất và tiếp thị thức ăn chăn nuôi, phụ gia thức ăn chăn nuôi và thức ăn kiêng (FADO) | Bản sửa đổi bao gồm 40 được gia hạn cấp phép, 25 cấp phép mới và 15 rút lại giấy phép đối với phụ gia thức ăn chăn nuôi |
| 19 | G/SPS/N/GMB/5 | ATTP, BVTV, TY, CLCBPTTT, CT | Gambia | 13/02/2023 | Dự thảo quy định ghi nhãn thực phẩm đóng gói sẵn | Các quy định này áp dụng cho việc ghi nhãn của tất cả các loại thực phẩm đóng gói sẵn cho người tiêu dùng hoặc cho các mục đích phục vụ ăn uống và liên quan đến cách trình bày. |
| 20 | G/SPS/N/GMB/6 | CT | Gambia | 13/02/2023 | Dự thảo quy định về đồ uống có cồn | Các yêu cầu quy định trong các quy định này sẽ áp dụng cho đồ uống có cồn chưng cất và chưa chưng cất được sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, bán, phân phối hoặc sử dụng ở Gambia. |
| 21 | G/SPS/N/GMB/4 | CT, BVTV | Gambia | 13/02/2023 | Dự thảo Quy định về Lạc. | Các quy định này áp dụng cho tất cả "các công đoạn sản xuất, chế biến và phân phối lạc và các sản phẩm từ lạc" có nghĩa là bất kỳ công đoạn nào, từ sản xuất ban đầu của thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi, bảo quản, vận chuyển, bán hoặc cung cấp cho người tiêu dùng cuối cùng và, nếu có liên quan, việc nhập khẩu, sản xuất, chế biến, bảo quản, vận chuyển, phân phối, bán và cung cấp lạc và các sản phẩm lạc. |
| 22 | G/SPS/N/KOR/773 /Corr.1 | ATTP, BVTV, TY | Hàn Quốc | 13/02/2023 | Đề xuất sửa đổi các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm | Đề xuất sửa đổi các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm |
| 23 | G/SPS/N/GBR/27 | ATTP, BVTV, TY | Vương quốc Anh | 10/02/2023 | MRL được đề xuất cho thiram sửa đổi sổ đăng ký theo luật của Vương quốc Anh về MRL | Tài liệu phác thảo các MRL được đề xuất cho thiram sau khi Ban Điều hành Sức khỏe và An toàn xem xét các MRL có liên quan. Dự thảo ý kiến hợp lý về việc xem xét MRL có sẵn tại liên kết sau:  Việc xem xét các MRL cho thiram - MRL được đề xuất  Tất cả các MRL đang được hạ xuống giới hạn định lượng vì rủi ro ảnh hưởng có hại đến sức khỏe con người có nghĩa là mức độ bảo vệ con người thích hợp không được đáp ứng. Dự luật này chỉ đề xuất giảm MRL cụ thể cho thiram (được xác định cụ thể là thiram). Tại thời điểm này, không có đề xuất sửa đổi MRL đối với dithiocarbamate (tổng dithiocarbamate, được xác định là CS2) |
| 24 | G/SPS/N/TPKM/602 | ATTP, CT | Đài Loan | 09/02/2023 | Dự thảo về hạn chế sử dụng và yêu cầu ghi nhãn đối với 2′-fucosyllactose được sản xuất bởi chủng *Escherichia coli* biến đổi gen k-12 mg1655 inb000846 dưới dạng thành phần thực phẩm | Dự thảo quy định này nêu rõ các hạn chế sử dụng và yêu cầu ghi nhãn đối với 2'-fucosyllactose được sản xuất bởi chủng *Escherichia coli* biến đổi gen K-12 MG1655 INB000846 cho mục đích thực phẩm |
| 25 | G/SPS/N/THA/615 | BVTV | Thái Lan | 09/02/2023 | Dự thảo tiêu chuẩn nông nghiệp Thái Lan mang tên "Quy tắc thực hành về kiểm tra và tiếp nhận sầu riêng về nhà thu gom và nhà đóng gói" | Tiêu chuẩn Nông nghiệp Thái Lan này thiết lập quy tắc thực hành về kiểm tra và tiếp nhận sầu riêng cho nhà thu gom và nhà đóng gói. Nó bao gồm các yêu cầu về kiểm tra và tiếp nhận sầu riêng cho nhà thu gom và nhà đóng gói trước quá trình quản lý tiếp theo (ví dụ: chuẩn bị, phân loại, đóng gói, bảo quản và vận chuyển) để thu được những quả chín nguyên vẹn theo yêu cầu của tiêu chuẩn phục vụ cho mục đích phân phối, xuất khẩu và nhập khẩu. Tiêu chuẩn Nông nghiệp Thái Lan này không áp dụng cho việc kiểm tra và tiếp nhận sầu riêng được cung cấp để chế biến sầu riêng tươi cắt sẵn ăn liền và để sản xuất sầu riêng đông lạnh nhanh |
| 26 | G/SPS/N/AUS/561 | CT, TY | Úc | 09/02/2023 | Rà soát rủi ro nhập khẩu đối với các sản phẩm sữa dùng cho người: dự thảo báo cáo. | Bộ Nông nghiệp, Ngư nghiệp và Lâm nghiệp của Úc đã công bố báo cáo đánh giá rủi ro nhập khẩu đối với các sản phẩm sữa dùng cho người: dự thảo báo cáo (đánh giá) trong thời gian tham vấn 60 ngày. Việc xem xét nhằm hiện đại hóa các điều kiện nhập khẩu sữa của Úc để phản ánh môi trường thương mại hiện tại và tương lai. Nó xem xét các rủi ro an toàn sinh học liên quan đến việc nhập khẩu (từ bất kỳ quốc gia nào) các sản phẩm sữa dùng cho con người được sản xuất từ sữa lấy từ gia súc, trâu, cừu và dê trong nước. Nó tính đến thông tin khoa học mới và có liên quan được đánh giá tương đương các tiêu chuẩn quốc tế, những thay đổi có liên quan trong thực tiễn ngành và thực tiễn hoạt động. Quá trình rà soát đã xác định sáu mối nguy gây lo ngại về an toàn sinh học đối với các sản phẩm sữa nhập khẩu. Úc đã tiến hành đánh giá rủi ro cho từng loại và đề xuất các biện pháp để quản lý rủi ro về an toàn sinh học. Dự thảo báo cáo đề xuất các lựa chọn quản lý rủi ro mở rộng cho các quốc gia không được Bộ công nhận là không có bệnh lở mồm long móng và/hoặc bệnh nổi sần da và/hoặc đậu cừu và dê |
| 27 | G/SPS/N/TZA/237 | BVTV | Tanzania | 08/02/2023 | AFDC 7 (1521), Đặc điểm kỹ thuật sả nguyên củ và sả xay | Tiêu chuẩn Tanzania này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với lá sả (*Cymbopogon citratus* L.) khô hoặc nguyên lá đã xay dùng làm thực phẩm cho con người. |
| 28 | G/SPS/N/EU/612 /Corr.1 | BVTV, CT | Liên minh châu Âu | 07/02/2023 | Điều chỉnh Quy định thực thi của Ủy ban (EU) 2023/174 ngày 26 tháng 01 năm 2023 sửa đổi Quy định thực hiện (EU) 2019/1793 về việc tăng tạm thời các biện pháp kiểm soát chính thức và các biện pháp khẩn cấp quản lý, việc đưa một số hàng hóa nhất định từ một số nước thứ ba vào Liên minh thực thi Quy định (EU) 2017/625 và (EC) số 178/2002 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu  (Công báo của Liên minh châu Âu L. 25 ngày 27 tháng 01 năm 2023) | Đã có sự điều chỉnh đối với thông báo G/SPS/N/EU/612, ngày 30 tháng 01 năm 2023: Đã xảy ra lỗi trong quá trình xuất bản trên tất cả các ngôn ngữ của Quy định Thực hiện của Ủy ban (EU) 2023/174 sửa đổi Quy định Thực thi của Ủy ban (EU) 2019 /1793 |
| 29 | G/SPS/N/TUR/136 | TY | Thổ Nhỹ Kỳ | 07/02/2023 | Thông cáo về việc nhập khẩu động vật giống và không giống và sản phẩm mầm | Mục đích của thông cáo này là để điều chỉnh các vấn đề liên quan đến việc nhập khẩu động vật giống và không làm giống và các sản phẩm ở thời kỳ phôi thai. Thông cáo này bao gồm:  - Động vật giống và các sản phẩm ở thời kỳ phôi thai;  − Phê duyệt tài liệu kiểm soát cần thiết cho việc nhập khẩu gia súc vỗ béo, giết mổ và động vật thuộc loại cừu-dê, họ ngựa, gia cầm, ong và các động vật khác và các sản phẩm ở thời kỳ phôi thai;  − Các yêu cầu về tài liệu và các vấn đề liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận sức khỏe thú y.  Thông cáo quy định các điều kiện hạn chế việc phê duyệt tài liệu kiểm soát, việc cấp và thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận sức khỏe thú y.  Thông cáo cung cấp cơ hội để chuẩn bị và phê duyệt các tài liệu trong môi trường điện tử.  Thông cáo này tập hợp các luật khác đã có hiệu lực trước đó chứa các bản sửa đổi giúp thực hành dễ dàng hơn |
| 30 | G/SPS/N/TUR/135 | BVTV | Thổ Nhỹ Kỳ | 07/02/2023 | Điều kiện nhập khẩu máy móc nông nghiệp đã qua sử dụng | Kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023, Thổ Nhĩ Kỳ sẽ yêu cầu giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các sản phẩm máy móc nông nghiệp đã qua sử dụng không chứa đất, sâu bệnh và tàn dư thực vật trong phần khai báo bổ sung của giấy chứng nhận và những sản phẩm này phải chịu sự kiểm soát kiểm dịch thực vật khi nhập cảnh vào nước này.  Phần khai báo bổ sung của giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do NPPO của nước xuất khẩu cấp cho việc nhập khẩu máy móc được đề cập đến Türkiye phải bao gồm một tuyên bố bổ sung được giải thích bên dưới:  "Máy móc đã được kiểm soát và làm sạch trước khi xuất khẩu và không có đất, sâu bệnh và tàn dư thực vật (bao gồm cả hạt và các bộ phận thực vật khác có khả năng nhân giống)".  Yêu cầu khai báo bổ sung áp dụng cho các sản phẩm có mã HS dưới đây:  84.32 Máy nông nghiệp, làm vườn hoặc lâm nghiệp để làm đất hoặc trồng trọt; con lăn trên bãi cỏ hoặc sân thể thao (đã qua sử dụng hoặc cải tạo).  84.33 Máy thu hoạch hoặc máy tuốt lúa, kể cả máy đóng kiện rơm hoặc cỏ khô; máy cắt cỏ hoặc cỏ khô; máy làm sạch, phân loại hoặc phân loại trứng, trái cây hoặc các sản phẩm nông nghiệp khác; các bộ phận của chúng (trừ máy làm sạch, tuyển chọn hoặc phân loại hạt giống, ngũ cốc hoặc các loại rau họ đậu sấy khô thuộc nhóm 8437) (đã qua sử dụng hoặc cải tạo)  8436.80.10.00.00 Máy lâm nghiệp (đã qua sử dụng hoặc tân trang)  8701.21.90.00.00 Đã qua sử dụng  8701.91.10.00.00 Máy kéo nông nghiệp và máy kéo lâm nghiệp, có bánh lốp (đã qua sử dụng hoặc cải tạo)  8701.92.10.00.00 Máy kéo nông nghiệp và máy kéo lâm nghiệp, có bánh lốp (đã qua sử dụng hoặc cải tạo)  8701.93.10.00.00 Máy kéo nông nghiệp và máy kéo lâm nghiệp, có bánh lốp (đã qua sử dụng hoặc cải tạo)  8701.94.10.00.00 Máy kéo nông nghiệp và máy kéo lâm nghiệp, có bánh lốp (đã qua sử dụng hoặc cải tạo)  8701.95.10.00.00 Máy kéo nông nghiệp và máy kéo lâm nghiệp, có bánh lốp (đã qua sử dụng hoặc cải tạo) |
| 31 | G/SPS/N/TPKM/601 | ATTP, BVTV, TY | Đài Loan | 07/02/2023 | Dự thảo Tiêu chuẩn về giới hạn dư lượng thuốc trừ sâu trong thực phẩm và dự thảo tiêu chuẩn về giới hạn dư lượng thuốc trừ sâu trong sản phẩm động vật | Sửa đổi MRL thuốc bảo vệ thực vật của benzovindiflupyr, bifenazate, bixafen, cyantraniliprole, etoxazole, fluopyram, fluxapyroxad, pyraclostrobin, pyribencarb, pyriofenone, mals, mafa, methamidophos, methidathion, paraquat, parathion-methyl và phosphamidon trong trái cây, rau, đậu khô, hạt ngũ cốc và trà. Phụ lục *Bacillus amyloliquefaciens CL3*, cinnamaldehyde và sodium chlorate trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật đã được loại bỏ MRLs. Sửa đổi phân loại đậu xanh (khô) trong đậu khô và đậu xanh (tươi) trong đậu Hà Lan và đậu. Sửa đổi MRL thuốc bảo vệ thực vật của cyproconazole, emamectin benzoate, fenarimol, fenvalerate, flubendiamide, haloxyfopmethyl, methoxyfenozide, piperonyl butoxide, saflufenacil, spirotetramat và sulfoxaflor trong mô gia súc và gia cầm, phụ phẩm ăn được, trứng và sữa |
| 32 | G/SPS/N/NZL/708 | BVTV | Niu Di-lân | 07/02/2023 | Tiêu chuẩn y tế nhập khẩu: ngũ cốc và hạt để tiêu dùng, thức ăn hoặc chế biến | MPI sửa đổi tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu: ngũ cốc và hạt để tiêu dùng, thức ăn chăn nuôi hoặc chế biến. Tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu ngày 2 tháng 2 năm 2023 thay thế phiên bản trước của tiêu chuẩn ngày 22 tháng 12 năm 2022.  Việc sửa đổi nhằm loại bỏ các vi-rút sau khỏi danh sách dịch hại (*Phaseolus* spp.) và (*Pisum* spp.), cùng với các yêu cầu nhập khẩu cụ thể đối với các vi-rút này trong các vật chủ được chỉ định:  *Phaseolus* spp.:  − *Broad bean mottle virus*  *− Cowpea severe mosaic virus*  *− Pea early-browning virus*  *− Peanut mottle virus*  *Pisum* spp.:  − *Peanut mottle virus*  *− Peanut stunt virus*  Việc tham vấn là không cần thiết cho sự sửa đổi này. Điều này là do quá trình tham vấn đã được tiến hành khi loại bỏ các sinh vật này khỏi hạt giống để gieo trồng theo tiêu chuẩn sức khỏe nhập khẩu (con đường nhập khẩu hạt giống có rủi ro cao nhất) và không có mối lo ngại nào được nêu ra trong thời gian tham vấn |
| 33 | G/SPS/N/USA/3365 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 06/02/2023 | Dung sai thuốc trừ sâu flupyram; Quy tắc cuối cùng | Quy định này sửa đổi mức cho phép đối với dư lượng fluopyram trong hoặc trên cà phê, đậu xanh và thiết lập mức cho phép đối với dư lượng fluopyram trong hoặc trên nhiều mặt hàng. |
| 34 | G/SPS/N/UKR/196 | QLCL | U-crai-na | 06/02/2023 | Dự thảo Lệnh của Bộ Chính sách nông nghiệp và lương thực U-crai-na "Về việc sửa đổi một số lệnh nhập khẩu (gửi) vào lãnh thổ hải quan U-crai-na các sản phẩm thủy sản dành cho tiêu dùng của con người" | Dự thảo Lệnh quy định sửa đổi điều kiện nhập khẩu và mẫu giấy chứng nhận quốc tế đối với sản phẩm thủy sản về:  − Các loại sản phẩm thủy sản không phải tuân theo các yêu cầu về sức khỏe động vật;  − Các yêu cầu liên quan đến tình trạng của các khu vực xuất xứ của động vật thân mềm mà từ đó các sản phẩm thủy sản được thu hoạch.  Yêu cầu nhập khẩu (gửi) vào lãnh thổ hải quan của U-crai-na động vật sống, các sản phẩm tái sinh của chúng, các sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc động vật, thức ăn chăn nuôi, cỏ khô, rơm, cũng như các sản phẩm phụ từ động vật và các sản phẩm có nguồn gốc được quy định theo Lệnh của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm của U-crai-na ngày 16 tháng 11 năm 2018 Số 553. Lệnh cũng quy định về việc phê duyệt một phiên bản mới của mẫu giấy chứng nhận quốc tế để nhập khẩu (gửi) vào lãnh thổ hải quan của U-crai-na các sản phẩm thủy sản dành cho người tiêu dùng, được phê duyệt bởi Lệnh của Bộ Phát triển Kinh tế, Thương mại và Nông nghiệp U-crai-na ngày 14 tháng 7 năm 2020 Số 1329.  Dự thảo Lệnh được phát triển có tính đến các yêu cầu của Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2020/2235 ngày 16 tháng 12 năm 2020 đặt ra các quy tắc áp dụng Quy định (EU) 2016/429 và (EU) 2017/625 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu liên quan đến giấy chứng nhận sức khỏe động vật mẫu, giấy chứng nhận chính thức mẫu và giấy chứng nhận chính thức/sức khỏe động vật mẫu, đối với việc gia nhập Liên minh và vận chuyển trong Liên minh các lô hàng của một số loại động vật và hàng hóa, chứng nhận chính thức liên quan đến các chứng chỉ đó và bãi bỏ Quy định (EC) số 599/2004, Quy định thực hiện (EU) số 636/2014 và (EU) 2019/628, Chỉ thị 98/68/EC và Quyết định 2000/572/EC, 2003/779/EC và 2007/240/EC cũng như các phương pháp cập nhật của EU đối với các yêu cầu đối với tình trạng của các khu vực xuất xứ động vật có vỏ mà từ đó các sản phẩm cá được thu hoạch |
| 35 | G/SPS/N/GBR/25 | ATTP, BVTV, TY | Vương quốc Anh | 06/02/2023 | Quy định mới hoặc tăng MRL của GB đối với mefentrifluconazole, sửa đổi Sổ đăng ký theo luật GB MRL | Mefentrifluconazole là hoạt chất được phê duyệt của GB. Ban Điều hành Sức khỏe và An toàn đã nhận được đơn yêu cầu thiết lập MRL mới cho táo, lê, mơ, anh đào, đào, mận, nho để bàn, nho làm rượu, hạt hướng dương, hạt cải dầu, rễ củ cải đường và các sản phẩm có nguồn gốc từ động vật. Sau khi đánh giá, các MRL mới hoặc nâng cao đã được đưa ra để phù hợp với các giấy phép mới cho các sản phẩm bảo vệ thực ở GB và để thiết lập dung sai nhập khẩu.  Báo cáo đánh giá và ý kiến hợp lý hỗ trợ MRL mới hoặc nâng cao có tại liên kết sau. Có sẵn danh sách đầy đủ các MRL mới hoặc nâng cao trong tài liệu này, xem trang 7-9:  [Việc đánh giá các MRL mới đối với mefentrifluconazole trong hoặc trên các mặt hàng khác nhau (hse.gov.uk)](file:///E:\hiep%20ducuments\sps\2023\Thông%20báo%20SPS\Tháng%202\Cập%20nhật%20thông%20báo%20SPS%20ngày%2010-2.docx)  Mức dư lượng phát sinh trong thực phẩm hoặc thức ăn chăn nuôi từ các cách sử dụng được thông báo dẫn đến việc người tiêu dùng bị phơi nhiễm dưới các giá trị tham chiếu độc tính và do đó không có tác động có hại đến sức khỏe con người. Khi mức dư lượng vượt quá MRL hiện hành, các MRL mới hoặc nâng cao sẽ được áp dụng |
| 36 | G/SPS/N/CAN/1476 | ATTP, BVTV | Canada | 06/02/2023 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa fluazinam (PMRL2023-07). | Mục tiêu của tài liệu được thông báo PMRL2023-07 là để tham khảo về các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được liệt kê đối với fluazinam đã được đề xuất bởi Cơ quan Quản lý Dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA).   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa Nông nghiệp Thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa Chế biến | | 3,0 | Nho | | 0,07 | Rau bầu bí (nhóm cây trồng 9)2 |   1ppm = phần triệu  2Mặc dù MRL hiện được thiết lập cho các mặt hàng thuộc nhóm cây trồng 9A (dưa) ở mức 0,07 ppm, nhưng MRL sẽ được mở rộng để áp dụng cho tất cả các mặt hàng thuộc nhóm cây trồng 9 (rau họ bầu bí). Do đó, MRL nhóm cây trồng đối với rau bầu bí đang được đề xuất, trong khi MRL hiện tại đối với các mặt hàng riêng lẻ trong phân nhóm cây trồng 9A sẽ hết hiệu lực.  Bạn có thể tìm thấy các mặt hàng có trong các nhóm/phân nhóm cây trồng được liệt kê trên trang web Nhóm cây trồng có hóa chất tồn dư (<https://www.canada.ca/en/healthcanada/services/consumer-product-safety/pesticides-pest-management/public/protectingyour-health-environment/pesticides-food/residue-chemistry-crop-groups.html>) trong phần Thuốc trừ sâu của trang web Canada.ca. |
| 37 | G/SPS/N/CAN/1475 | ATTP, BVTV | Canada | 06/02/2023 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa pyriproxyfen (PMRL2023-06) | Mục tiêu của tài liệu được thông báo PMRL2023-06 là tham khảo về giới hạn dư lượng tối đa được liệt kê (MRL) đối với pyriproxyfen đã được Cơ quan Quản lý Quản lý Dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất.   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa Nông nghiệp Thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa Chế biến | | 0,2 | quả chuối |   1ppm = phần triệu |
| 38 | G/SPS/N/CHL/740 | TY | Chi Lê | 03/02/2023 | Sửa đổi Nghị quyết miễn trừ số 91/2022, chỉ định các sản phẩm động vật không cần sự chấp thuận của SAG để nhập cảnh vào Chi Lê | Dự luật được thông báo sửa đổi Nghị quyết miễn trừ Số 91/2022, như sau:  (I) Tại Điều 1, tiểu đoạn (h) đã được sửa đổi để loại bỏ các từ "gia súc, ngựa, cừu và lợn";  (II) Trong Điều 1, các điểm (k), (l) và (m) sau đây đã được bổ sung:  k. Tro của động vật bị đốt cháy;  l. Axit nucleic tinh khiết, kháng thể tinh khiết, cytochrom, chất pha loãng lỏng được thêm vào tinh dịch để duy trì khả năng thụ tinh, enzyme, men lactic hoặc nuôi cấy, gelatin tinh khiết, dòng tế bào, môi trường nuôi cấy, đĩa phủ kháng nguyên bất hoạt, beta-propiolactone, mô được cố định trong formalin, phần mô học cố định, dung dịch muối và trypsin ở nhiều dạng khác nhau;  m. Các sản phẩm theo yêu cầu của SAG cho mục đích thử nghiệm trong phòng thí nghiệm hoặc các hoạt động chính thức khác;  (III) Một nội dung mới đã được thêm vào:  "2. Tất cả các sản phẩm trên không yêu cầu SAG xử lý nhập khẩu để vào Chi Lê, bất kể số lượng và tuyến đường nhập cảnh (hành khách/thư tín/chuyển phát nhanh/vận chuyển hàng hóa). Điều này không ảnh hưởng đến các yêu cầu cụ thể của dịch vụ hải quan Quốc gia. "  Thông tin chi tiết có thể được tìm thấy trong tài liệu đính kèm thông báo này |
| 39 | G/SPS/N/SAU/494 | CT | Vương Quốc Ả Rập | 02/02/2023 | Công thức dinh dưỡng dành cho phụ nữ mang thai và cho con bús | Quy chuẩn kỹ thuật này liên quan đến các yêu cầu đối với công thức dinh dưỡng dành cho phụ nữ có thai và cho con bú |
| 40 | G/SPS/N/KOR/774 | ATTP, BVTV, TY, CT | Hàn Quốc | 02/02/2023 | Đề xuất sửa đổi các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm | Bản sửa đổi được đề xuất:  1. Xây dựng tiêu chuẩn “Thực phẩm thay thế”;  2. Quy định giới hạn arsen vô cơ trong gạo;  3. Rà soát tiêu chuẩn, quy cách “Thực phẩm tốt cho người cao tuổi”;  4. Quy định giới hạn hàm lượng axit erucic trong dầu hạt cải;  5. Quy định loại thực phẩm, tiêu chuẩn, quy cách đối với thực phẩm dùng cho mục đích y tế đặc biệt;  6. Sửa đổi cách phân loại thực phẩm trong “Muối ăn”;  7. Rà soát các chỉ tiêu về mầm bệnh truyền qua thực phẩm trong thực phẩm tươi sống;  8. Sửa đổi giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong nông sản [Cypermethrin] |
| 41 | G/SPS/N/IDN/145 | BVTV, TY, QLCL | Indonesia | 02/02/2023 | Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và giấy chứng nhận thú y điện tử do Cơ quan Kiểm dịch Nông nghiệp Indonesia cấp | Để tạo thuận lợi cho thương mại quốc tế, đặc biệt là các mặt hàng nông sản ở Indonesia, đồng thời cải thiện chất lượng dịch vụ công và khuyến khích tối ưu hóa các dịch vụ kỹ thuật số, Cơ quan Kiểm dịch Nông nghiệp đã cung cấp dịch vụ sử dụng giấy chứng nhận điện tử (Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và Giấy chứng nhận thú y).  Phù hợp với những điều đã nêu ở trên, Indonesia mong muoond có sự hợp tác từ các quốc gia đối tác thương mại để nhận được Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật điện tử/kỹ thuật số/được quét và/hoặc Giấy chứng nhận sức khỏe từ Indonesia và đã phát triển một kỹ thuật để xác thực giấy chứng nhận thông qua cổng thông tin IAQA trên:  <https://ppkonline.karantina.pertanian.go.id/checkcert>. |
| 42 | G/SPS/N/USA/3364 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 31/01/2023 | Giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật rimsulfuron; Quy tắc cuối cùng | Quy định này thiết lập giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (MRL) rimsulfuron trong hoặc trên quả lựu, quả nhiệt đới và cận nhiệt đới, quả nhỏ, vỏ ăn được, phân nhóm 23A.  Do đó, MRL được thiết lập đối với rimsulfuron (N-[[(4,6-dimethoxy-2-pyrimidinyl)amino]carbonyl]-3-(ethylsulfonyl)-2-pyridinsulfonamide), trong hoặc trên quả lựu ở mức 0,01 ppm và quả nhiệt đới và cận nhiệt đới, quả nhỏ, vỏ ăn được, phân nhóm 23A ở mức 0,01 ppm.  Ngoài ra, như một biện pháp vệ sinh chung, cơ quan bảo vệ môi trường Mỹ (EPA) đang loại bỏ MRL đối với khoai tây ở mức 0,1 ppm, đã hết hạn vào ngày 12 tháng 8 năm 2018 và không có hiệu lực vào thời điểm này. |
| 43 | G/SPS/N/UKR/195 | TY | U-crai-na | 31/01/2023 | Dự thảo Lệnh của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm U-crai-na "Về việc phê duyệt các yêu cầu đối với trứng gà" | Dự thảo các yêu cầu đối với trứng gà (sau đây gọi là Yêu cầu) về:  • Phân loại trứng theo chất lượng và trọng lượng;  • Dán tem trứng, dán nhãn bao bì (thùng chứa) và thùng vận chuyển trứng, thùng chứa trứng công nghiệp và cung cấp thông tin cho người tiêu dùng trong trường hợp bán lẻ trứng;  • Đóng gói và đóng gói lại trứng, và các yêu cầu lưu giữ hồ sơ mà các nhà điều hành thị trường phải duy trì.  Trứng gà nhập khẩu (gửi) đến lãnh thổ hải quan của U-crai-na phải tuân thủ các quy định của Mục I-IV của yêu cầu này, hoặc các yêu cầu tương đương của nước xuất khẩu. |
| 44 | G/SPS/N/KOR/773 | ATTP, BVTV, TY | Hàn Quốc | 31/01/2023 | Đề xuất sửa đổi các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm | Các sửa đổi được đề xuất:  1. Làm rõ tiêu chuẩn áp dụng các chất gây ô nhiễm, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y;  2. Rà soát, xây dựng mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong nông sản;  3. Rà soát, xây dựng mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y;  4. Sửa đổi và thiết lập phương pháp kiểm tra chung. |
| 45 | G/SPS/N/KOR/772 | ATTP | Hàn Quốc | 31/01/2023 | Đề xuất sửa đổi các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho phụ gia thực phẩm | Hàn Quốc đang đề xuất sửa đổi "Tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật đối với phụ gia thực phẩm".  1) Sáu chất phụ gia thực phẩm sau đây mới được phép sử dụng: Axit 5'-Guanylic, dipotassium 5'-guanylate, canxi 5'-guanylate, axit 5'-inosinic, dipotassium 5'-inosinate, canxi 5'-inosinate;  2) Sửa đổi tiêu chuẩn sử dụng copper chlorophyll, Sodium copper chlorophyllin và Potassium copper chlorophyllin để sử dụng cho thực phẩm bổ sung;  3) Tinh bột oxy hóa acetylated được thêm vào dưới dạng tinh bột biến tính;  4) Sửa đổi tiêu chuẩn sử dụng 27 loại phụ gia thực phẩm sau: Calcium gluconate, calcium glycerophosphate, titanium dioxide, calcium phosphate tribasic, calcium phosphate dibasic, calcium phosphate monobasic, calcium pantothenate, phytic acid, food green no. 3, food green no. 3 aluminium lake, food red no. 2, food red no. 2 aluminium lake, food red no. 3, food red no. 40, food red no. 40 aluminium lake, food red no. 102, food blue no. 1, food blue no. 1 aluminium lake, food blue no. 2, food blue no. 2 aluminium lake, food yellow no. 4, food yellow no. 4 aluminium lake, food yellow no. 5, food yellow no. 5 aluminium lake, l-ascorbyl palmitate, methyl p-hydroxybenzoate, ethyl p-hydroxybenzoate;  5) Sửa đổi các thông số kỹ thuật của bốn chất phụ gia thực phẩm: Smoke flavours, ferrous sulfate, chromic chloride, manganese sulfate. |
| 46 | G/SPS/N/KOR/769 /Corr.1 | ATTP, BVTV, TY, CT, CLCBPTTT | Hàn Quốc | 31/01/2023 | Đề xuất sửa đổi các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm | Đề xuất sửa đổi các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật cho thực phẩm theo thông báo số G/SPS/N/KOR/769 ngày 05/01/2023 được sửa đổi tại đường link: <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/KOR/23_0778_00_x.pdf> |
| 47 | G/SPS/N/EU/613 | ATTP, BVTV | Liên minh châu Âu | 31/01/2023 | Dự thảo Quy định thực thi của Ủy ban liên quan đến việc không gia hạn phê duyệt hoạt chất oxamyl, theo Quy định (EC) số 1107/2009 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu, và sửa đổi Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) số 540/2011 | Dự thảo Quy định thực thi liên quan đến hoạt chất oxamyl không được gia hạn theo Quy định (EC) số 1107/2009. Các quốc gia thành viên EU sẽ rút giấy phép đối với các sản phẩm bảo vệ thực vật có chứa hoạt chất oxamyl. Việc không gia hạn phê duyệt dựa trên đánh giá đầu tiên về chất được sử dụng làm hoạt chất trừ sâu ở Liên minh Châu Âu theo Quy định (EC) số 1107/2009. Chất này trước đây đã được đánh giá và phê duyệt theo Chỉ thị 91/414/EEC.  Để một hoạt chất được phê duyệt theo Quy định (EC) số 1107/2009 (liên quan đến việc đưa các sản phẩm bảo vệ thực vật ra thị trường), phải chứng minh rằng hoạt chất đó không gây hại cho sức khỏe con người, động vật hoặc môi trường.  Quyết định này chỉ liên quan đến việc đưa ra thị trường chất này và các sản phẩm bảo vệ thực vật có chứa chất này. Sau khi không được phê duyệt và hết thời gian ân hạn đối với kho sản phẩm có chứa chất này, quy định riêng biệt sẽ có thể được thực hiện đối với giới hạn dư lượng tối đa và một thông báo riêng sẽ được đưa ra theo quy trình SPS.  Dự thảo Quy chế thực thi của Ủy ban này cũng đã được thông báo theo Hiệp định TBT trong thông báo G/TBT/N/EU/945. |
| 48 | G/SPS/N/AUS/560 | ATTP, BVTV, TY | Úc | 31/01/2023 | Đề xuất sửa đổi Phụ lục 20 của Bộ luật tiêu chuẩn thực phẩm Úc – Niu Di-lân (24 tháng 1 năm 2023) | Đề xuất này sửa đổi Bộ luật tiêu chuẩn thực phẩm của Úc, Niu Di-lân để điều chỉnh các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) sau đây đối với các hóa chất nông nghiệp và thú y khác nhau để chúng phù hợp với các quy định quốc gia khác liên quan đến việc sử dụng an toàn và hiệu quả các hóa chất nông nghiệp và thú y:  − Acetamiprid, bifenthrin, cyfluthrin, dithiocarbamate, flazasulfuron, fluopyram, methoxyfenozide, procymidone, spinetoram, sulfoxaflor và trifloxystrobin trong các mặt hàng thực vật cụ thể;  − Flazasulfuron, methoxyfenozide, procymidone và sulfoxaflor trong các mặt hàng động vật cụ thể. |
| 49 | G/SPS/N/JPN/1172 | ATTP, BVTV | Nhật Bản | 30/01/2023 | Dự thảo Lệnh cấp Bộ của Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản và Bộ Môi trường Nhật Bản theo Điều 4, Đoạn (1), Mục (xi) của Đạo luật quy định hóa chất nông nghiệp | Thiết lập các tiêu chí mới cho việc từ chối đăng ký thuốc trừ sâu sinh học.  Thuốc trừ sâu sinh học (1) cái gọi là "thuốc trừ sâu diệt côn trùng tự nhiên" (theo nghĩa hẹp), thường được sử dụng với côn trùng sống là động vật ăn thịt hoặc ký sinh (ví dụ: Insecta, Arachnid, v.v...) và (2) thuốc trừ sâu vi sinh khuẩn (vi rút, vi khuẩn, nấm, v.v...), có thể được sử dụng làm thuốc trừ sâu, như Điều 2, khoản 2 của Đạo luật quy định rằng "động vật ăn thịt, ký sinh trùng hoặc vi sinh vật được sử dụng để kiểm soát dịch hại như được mô tả trong đoạn trước sẽ được coi là thuốc trừ sâu."  Thuốc trừ sâu sinh học được giả định rằng việc sử dụng thuốc trừ sâu sinh học còn sống (nghĩa là không bị bất hoạt) có thể gây ra thiệt hại đáng kể cho môi trường sống hoặc sự phát triển của động vật và thực vật trong môi trường sống do sự sinh sôi nảy nở của chúng, v.v... (Ví dụ: khi nhện được sử dụng làm thuốc trừ sâu sinh học, thuốc trừ sâu trên đất nông nghiệp, thuốc trừ sâu có thể gây thiệt hại đáng kể cho môi trường sống hoặc sự phát triển của động vật và thực vật trong đất nông nghiệp và môi trường xung quanh bằng cách săn côn trùng có lợi ngoài côn trùng mục tiêu).  Các tiêu chí từ chối đăng ký đã được thiết lập mới để có thể từ chối đăng ký thuốc trừ sâu sinh học đó khi nộp đơn đăng ký. |
| 50 | G/SPS/N/CAN/1474 | ATTP, BVTV | Canada | 30/01/2023 | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất: Clethodim (PMRL2023-05). | Mục tiêu của tài liệu được thông báo PMRL2023-05 là thông báo các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được liệt kê đối với clethodim đã được Cơ quan quản lý quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất.   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 3,0 | Cải thảo Napa | | 2,0 | Hành lá (nhóm cây trồng 3-07B)2 | | 0,6 | Rau có cuống lá (nhóm cây trồng 22B) | | 0,3 | Kiều mạch | | 0,09 | Ngọn Cần tây (Celeriac)3, ngọn cải Thụy Điển (rutabaga)3 |   1ppm = phần triệu  2MRL được thiết lập hiện tại cho "Hành tây" ở mức 0,2 ppm sẽ được sửa đổi thành "Hành củ khô" ở cùng giá trị MRL để phản ánh thuật ngữ hiện tại.  3Rễ cây cần tây và củ cải Thụy Điển được loại trừ khỏi hành động MRL này vì MRL là 0,3 phần triệu đã được thiết lập cho những mặt hàng này. |
| 51 | G/SPS/N/CAN/1473 | ATTP, BVTV | Canada | 30/01/2023 | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất: Fluopyram (PMRL2023-04) | Mục tiêu của tài liệu được thông báo PMRL2023-04 là thông báo về giới hạn dư lượng tối đa được liệt kê (MRL) đối với fluopyram đã được Cơ quan quản lý quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất.   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 15 | Ngồng tỏi Scapes (Serpent garlic scapes) |   1. ppm = phần triệu |
| 52 | G/SPS/N/UKR/194 | BVTV | U-crai-na | 25/01/2023 | Dự thảo Luật của U-crai-na "Quy định nhà nước về lĩnh vực bảo vệ thực vật" | Dự thảo Luật được xây dựng với mục đích thống nhất, hiện đại hóa luật pháp U-crai-na trong lĩnh vực bảo vệ thực vật và kế thừa với luật pháp EU có liên quan.  Các quy định chính của dự thảo Luật như sau:  • Cải thiện các yêu cầu đối với việc kiểm soát của nhà nước đối với việc đưa ra thị trường và sử dụng các sản phẩm bảo vệ thực vật, có tính đến luật pháp liên quan của EU;  • Thực hiện mô hình truy xuất nguồn gốc của châu Âu được cung cấp bởi Quy định (EU) số 2016/2031 và các hành vi pháp lý khác của EU, bao gồm việc sử dụng "hộ chiếu thực vật", sẽ đảm bảo khả năng truy xuất nguồn gốc của thực vật, sản phẩm thực vật và các đối tượng khác; ủy quyền cho cá nhân thực hiện một số chức năng của nhà nước (đặc biệt là tiến hành các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm, cấp hộ chiếu thực vật, tiến hành đào tạo về sử dụng an toàn các sản phẩm bảo vệ thực vật, tiến hành kiểm tra kỹ thuật thiết bị sử dụng các sản phẩm bảo vệ thực vật);  • Giới thiệu hệ thống đăng ký nhà nước (đăng ký) trong lĩnh vực bảo vệ thực vật;  • Giới thiệu các danh sách liên quan đến việc di chuyển thực vật, sản phẩm thực vật, các đối tượng khác và sản phẩm bảo vệ thực vật nhằm mục đích kiểm soát nhà nước và các hoạt động chính thức khác; đặt ra các yêu cầu đối với việc nhập khẩu (gửi) vào lãnh thổ hải quan của U-crai-na, vận chuyển thực vật, sản phẩm thực vật, các vật thể khác, sản phẩm bảo vệ thực vật qua lãnh thổ U-crai-na;  • Giới thiệu một tài liệu được quy định bởi Quy định (EU) số 2016/2031 là giấy phép nhập khẩu (gửi) vào lãnh thổ hải quan của U-crai-na các loài gây hại được điều chỉnh và một số loài thực vật, sản phẩm có nguồn gốc thực vật và các đối tượng khác dành cho thử nghiệm cấp nhà nước, mục đích khoa học hoặc học thuật, phê duyệt, lựa chọn giống hoặc nhân giống;  • Thực hiện các quy định của Quy định (EU) số 2017/625, đặc biệt liên quan đến các yêu cầu chung về kiểm soát nhà nước, phương pháp và kỹ thuật thực hiện các biện pháp kiểm soát nhà nước và các hoạt động chính thức khác, thanh kiểm tra của người có thẩm quyền, thanh kiểm tra độc lập của cơ quan có thẩm quyền.  Kể từ ngày Luật này có hiệu lực, các Luật hiện hành của U-crai-na "Về kiểm dịch thực vật" và "Bảo vệ thực vật" sẽ hết hiệu lực. |
| 53 | G/SPS/N/TZA/235 | CT | Tanzania | 25/01/2023 | AFDC 15(1930), Đặc điểm kỹ thuật - Manda (bột nhào) | Tiêu chuẩn Tanzania này quy định các yêu cầu về an toàn và chất lượng, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với manda (bột nhào) dành cho quá trình chế biến tiếp theo để phù hợp làm thực phẩm cho con người. |
| 54 | G/SPS/N/THA/614 | BVTV | Thái Lan | 25/01/2023 | Dự thảo thông báo của Bộ Nông nghiệp và Hợp tác xã: Đặc điểm kỹ thuật của thực vật từ một số nguồn nhất định là vật phẩm bị cấm, trường hợp ngoại lệ và điều kiện theo Đạo luật kiểm dịch thực vật B.E. 2507 (No. ...) B.E. ... (...). | Dự thảo thông báo nêu rõ các loại trái cây tươi thuộc chi *Vaccinium* nhập khẩu từ tất cả các nước đều bị coi là hàng cấm . |
| 55 | G/SPS/N/NPL/39 | CT | Nê Pan | 25/01/2023 | Tiêu chuẩn đề xuất cho yến mạch cán dẹt | Cục Quản lý Chất lượng và Công nghệ Thực phẩm, Bộ Nông nghiệp và phát triển chăn nuôi Nepal đề xuất tiêu chuẩn chất lượng và vệ sinh đối với yến mạch cán dẹt nhằm bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng bằng cách kiểm soát chất lượng và an toàn của sản phẩm và tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại công bằng. |
| 56 | G/SPS/N/CAN/1472 | ATTP, BVTV | Canada | 25/01/2023 | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất: Methomyl (PMRL2023-03) | Mục tiêu của tài liệu được thông báo PMRL2023-03 là thông báo về giới hạn dư lượng tối đa được liệt kê (MRL) đối với methomyl đã được Cơ quan quản lý quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất.   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 5,0 | Rau diếp |   1ppm = phần triệu |
| 57 | G/SPS/N/CAN/1471 | ATTP, BVTV | Canada | 25/01/2023 | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất: Spiropidion (PMRL2023-02) | Mục tiêu của tài liệu được thông báo PMRL2023-02 là thông báo về giới hạn dư lượng tối đa được liệt kê (MRL) đối với spiropidion được Cơ quan quản lý quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất.   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 7,0 | Cà chua khô | | 5,0 | Khoai tây nghiền | | 3,0 | Đậu nành khô | | 1,5 | Khoai tây, sốt cà chua | | 1,0 | Ớt chuông, ớt khác | | 0,9 | Dưa vàng, dưa lưới (trừ những loại được liệt kê trong mục này), bí ngô, dưa hấu, bí đỏ (winter squash) | | 0,8 | Dưa chuột, cà chua |   1ppm = phần triệu |
| 58 | G/SPS/N/CAN/1470 | ATTP, BVTV | Canada | 25/01/2023 | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất: Natri acifluorfen (PMRL2023-01) | Mục tiêu của tài liệu được thông báo PMRL2023-01 là thông báo về giới hạn dư lượng tối đa được liệt kê (MRL) đối với natri acifluorfen được Cơ quan quản lý quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất.   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 0,06 | Củ cà rốt |   1ppm = phần triệu |
| 59 | G/SPS/N/USA/3363 | ATTP, BVTV, TY, CN | Hoa Kỳ | 23/01/2023 | Giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật fluridon; Quy tắc cuối cùng | Dự thảo thiết lập các giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật đối với fluridone trong hoặc trên nhiều mặt hàng, cụ thể:  - Thức ăn chăn nuôi, nhóm 18 ở mức 0,15 ppm;  - Quả mọng và quả nhỏ, nhóm 13-07 ở mức 0,1 ppm;  - Trái cây, quả loại táo, nhóm 11-10 ở mức 0,1 ppm;  - Trái cây, cam quýt, nhóm 10-10 ở mức 0,1 ppm;  - Quả, quả lựu, nhóm 11-10 ở mức 0,1 ppm;  - Cỏ, thức ăn thô xanh, thức ăn gia súc và cỏ khô, nhóm 17 ở mức 0,15 ppm;  - Đậu phộng ở mức 0,1 ppm;  - Lạc ở mức 0,15 ppm;  - Gạo, ngũ cốc ở mức 0,1 ppm;  - Phân nhóm 23A nhiệt đới và cận nhiệt đới, quả nhỏ, vỏ ăn được ở mức 0,1 ppm;  - Vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới, quả có kích thước trung bình đến lớn, vỏ nhẵn, không ăn được phân nhóm 24B ở mức 0,1 ppm. |
| 60 | G/SPS/N/URY/37 /Rev.1 | TY | Uruguay | 23/01/2023 | Yêu cầu kiểm dịch động vật của các quốc gia thành viên đối với việc nhập khẩu “trứng ấp của gia cầm và gà con một ngày tuổi (bãi bỏ Quyết định số 31/18 của GMC)") | Văn bản được thông báo cập nhật các yêu cầu kiểm dịch động vật quản lý việc nhập khẩu trứng gia cầm và gà con một ngày tuổi đang nở, cũng như mẫu giấy chứng nhận thú y quốc tế tương ứng. Nghị định này cũng bãi bỏ Nghị định số 182/019 ngày 24 tháng 6 năm 2019 hợp nhất Quyết định của nhóm thị trường chung (CMG) của MERCOSUR số 31/18 "Yêu cầu kiểm dịch động vật của các quốc gia thành viên đối với việc nhập khẩu trứng gia cầm và gà con một ngày tuổi mới nở (bãi bỏ Quyết định số 10/96 của GMC)" được thông báo trong số G/SPS/N/URY/37. |
| 61 | G/SPS/N/EU/611 | ATTP, BVTV, TY, QLCL, CT | Liên minh châu Âu | 23/01/2023 | Dự thảo Quy định của Ủy ban sửa đổi Phụ lục I của Quy định (EU) số 10/2011 về vật liệu nhựa và các vật phẩm tiếp xúc với thực phẩm, liên quan đến những thay đổi đối với việc cho phép và bổ sung các chất mới | Mục đích của Quy định này là sửa đổi Quy định (EU) số 10/2011 để giải quyết các quan điểm mới của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu, hoặc để cấp phép cho các chất theo đơn xin cấp phép của nhà kinh doanh về vật liệu nhựa và các vật phẩm tiếp xúc với thực phẩm, liên quan đến những thay đổi đối với việc cho phép và bổ sung các chất mới |
| 62 | G/SPS/N/BRA/2130 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 23/01/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1139, ngày 16 tháng 01 năm 2023 | Dự thảo nghị quyết này đề xuất về việc đưa các hoạt chất c64 - clotianidine, f35 - phenothrine, f43 - fipronil và f64 - ferric phosphate vào danh mục chuyên khảo các hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, chất tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ…, được xuất bản bởi hướng dẫn quy phạm số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Brazil. |

**2. Danh sách các văn bản quy định về SPS có hiệu lực**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **File** |
| 1 | G/SPS/N/TPKM/597 /Add.1 | ATTP, BVTV | Đài Loan | 20/02/2023 | Tiêu chuẩn giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm | Đài Loan đề xuất sửa đổi Tiêu chuẩn về giới hạn dư lượng thuốc trừ sâu trong thực phẩm vào ngày 5 tháng 10 năm 2022 (G/SPS/N/TPKM/597). Bản sửa đổi cuối cùng có hiệu lực vào ngày 17 tháng 2 năm 2023. |
| 2 | G/SPS/N/NZL/690 /Add.1 | ATTP, BVTV, TY, CBCLPTTT, CT | Niu Di-lân | 20/02/2023 | Yêu cầu đối với nhà nhập khẩu thực phẩm đã đăng ký và thực phẩm hhập khẩu để bán | Thông báo về thực phẩm: Yêu cầu đối với nhà nhập khẩu thực phẩm đã đăng ký và thực phẩm nhập khẩu để bán đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/NZL/690 (ngày 21 tháng 6 năm 2022) hiện đã được thông qua và ban hành vào ngày 13 tháng 12 năm 2022. |
| 3 | G/SPS/N/EU/575 /Add.1 | ATTP, BVTV, TY | Liên minh châu Âu | 20/02/2023 | Phê duyệt mức dư lượng tối đa đối với benalaxyl, bromoxynil, chlorsulfuron, epoxiconazole và fenamiphos trong hoặc trên một số sản phẩm | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/575 (ngày 4 tháng 7 năm 2022) hiện được thông qua bởi Quy định của Ủy ban (EU) 2023/128 ngày 18 tháng 1 năm 2023 sửa đổi Phụ lục II, III và V của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu về mức dư lượng tối đa đối với benalaxyl, bromoxynil, chlorsulfuron, epoxiconazole và fenamiphos trong hoặc trên một số sản phẩm (Văn bản có liên quan đến EEA) [OJ L 17, ngày 19 tháng 1 năm 2023, trang. 22]. |
| 4 | G/SPS/N/UKR/183 /Add.1 | CT | U-crai-na | 14/02/2023 | Dự thảo Lệnh của Bộ Y tế U-crai-na "Về việc phê duyệt các yêu cầu đối với các sản phẩm gốm sứ có tiếp xúc với thực phẩm" | U-crai-na thông báo về việc thông qua Lệnh của Bộ Y tế U-crai-na số 2373 "Về việc phê duyệt các yêu cầu đối với các sản phẩm gốm sứ có tiếp xúc với thực phẩm" vào ngày 29 tháng 12 năm 2022 |
| 5 | G/SPS/N/BRA/2042 /Add.1 | TY | Bra-xin | 13/02/2023 | Pháp lệnh SDA số 736, ngày 29 tháng 12 năm 2022 - Phê duyệt các quy trình của các lò mổ đã đăng ký với Cục Thanh tra sản phẩm động vật từ ban thư ký thú y và thực vật của bộ nông nghiệp, chăn nuôi và cung cấp thực phẩm cho nguy cơ- hệ thống kiểm tra dựa trên áp dụng cho gà thịt | Phê duyệt Quy trình của các lò mổ đã đăng ký với Cục Thanh tra Sản phẩm có nguồn gốc động vật của Bộ Quốc phòng, Bộ Nông nghiệp, Chăn nuôi và cung cấp cho hệ thống kiểm tra dựa trên rủi ro áp dụng cho gà thịt. |
| 6 | G/SPS/N/TPKM/592 /Add.1 | BVTV, CT | Đài Loan | 09/02/2023 | Hạn chế sử dụng lá bạch đàn (*Eucalyptus globulus*) và chiết xuất của chúng | Đài Loan đã thông báo dự thảo quy định về "Hạn chế sử dụng lá bạch đàn (*Eucalyptus globulus*) và các chất chiết xuất từ chúng" vào ngày 9 tháng 8 năm 2022 (G/SPS/N/TPKM/592). Quy định cuối cùng được ban hành vào ngày 8 tháng 2 năm 2023 và sẽ có hiệu lực vào ngày 01 tháng 01 năm 2024 |
| 7 | G/SPS/N/CAN/1454 /Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 09/02/2023 | Thiết lập giới hạn dư lượng tối đa: Fenazaquin | Tài liệu về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất cho fenazaquin được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1454 (ngày 12 tháng 9 năm 2022) được thông qua vào ngày 3 tháng 2 năm 2023. Các MRL đề xuất được thiết lập thông qua việc nhập vào Cơ sở dữ liệu Giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp Trực tiếp dưới đây:   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa Nông nghiệp Thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa Chế biến | | 20 | Dầu cam quýt | | 2,0 | Quả hạch (nhóm cây trồng 12-09); quả mọc thấp (nhóm cây trồng 13-07G) | | 0,8 | Dâu tây (phân nhóm cây trồng 13-07B); nho khô | | 0,7 | Quả dâu tây (phân nhóm cây trồng 13-07A); quả nhỏ dây leo, trừ quả kiwi lông tơ (phân nhóm cây trồng 13-07F) | | 0,6 | Quả lựu (nhóm vụ 11-09) | | 0,4 | Cam quýt (nhóm cây trồng 10) (sửa đổi) | | 0,3 | Rau ăn quả (nhóm cây trồng 8-09); rau bầu bí (nhóm cây trồng 9) |   1ppm = phần triệu |
| 8 | G/SPS/N/TPKM/596 /Add.1 | CT | Đài Loan | 07/02/2023 | Bản sửa đổi "Hạn chế sử dụng và yêu cầu ghi nhãn của 2'-fucosyllactose được tạo ra bởi chủng *Escherichia coli* biến đổi gen BL21 (DE3) #1540 như một thành phần thực phẩm" và "Hạn chế sử dụng và yêu cầu ghi nhãn của 2'-fucosyllactose được sản xuất bởi chủng *Escherichia coli* đã biến đổi gen K-12 DH1 MDO MAP1001d như một thành phần thực phẩm" | Đài Loan đã thông báo dự thảo sửa đổi cho "Hạn chế sử dụng và yêu cầu ghi nhãn của 2'-fucosyllactose được sản xuất bởi chủng *Escherichia coli* biến đổi gen BL21 (DE3) #1540 làm thành phần thực phẩm" và "Hạn chế sử dụng và yêu cầu ghi nhãn đối với 2'-fucosyllactose được sản xuất bởi chủng Escherichia coli đã biến đổi di truyền K-12 DH1 MDO MAP1001d làm thành phần thực phẩm" ngày 20 tháng 9 năm 2022 (G/SPS/N/TPKM/596). Quy định cuối cùng được ban hành vào ngày 7 tháng 2 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày công bố |
| 9 | G/SPS/N/USA/3214 /Add.2 | ATTP | Hoa Kỳ | 31/01/2023 | Danh sách các chất phụ gia màu được miễn chứng nhận; Canxi cacbonat; Xác nhận ngày hiệu lực | Cơ quan Quản lý thực phẩm và dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) xác nhận ngày có hiệu lực là ngày 28 tháng 10 năm 2022 đối với quy tắc cuối cùng trong sổ đăng ký Liên bang ngày 27 tháng 9 năm 2022 và đã sửa đổi các quy định về phụ gia màu để sử dụng an toàn canxi cacbonat trong viên nén và viên nang bổ sung chế độ ăn uống. Thông tin chi tiết tại đường link: <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/USA/23_0786_00_e.pdf> |
| 10 | G/SPS/N/EU/578 /Add.1 | ATTP, BVTV | Liên minh châu Âu | 31/01/2023 | Mức dư lượng tối đa đối với abamectin trong hoặc trên một số sản phẩm | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/578 (ngày 12 tháng 7 năm 2022) hiện được thông qua bởi Quy định của Ủy ban (EU) 2023/198 ngày 30 tháng 01 năm 2023 sửa đổi Phụ lục II của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng về mức dư lượng tối đa đối với abamectin trong hoặc trên một số sản phẩm nhất định (Văn bản có liên quan đến EEA) [OJ L 27, ngày 31 tháng 1 năm 2023, trang. 7].  Quy định sẽ được áp dụng từ ngày 20 tháng 8 năm 2023, thông tin cụ thể tại đường link bên dưới:  <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/EEC/23_0834_00_e.pdf> |
| 11 | G/SPS/N/EU/573 /Add.1 | ATTP, BVTV | Liên minh châu Âu | 27/01/2023 | Mức dư lượng tối đa đối với 1-methyl-3-(trifluoromethyl)-1H-pyrazole-4- carboxamide, cycloxydim, cyflumetofen, cyfluthrin, metobromuron và penthiopyrad trong hoặc trên một số sản phẩm | Đề xuất được thông báo trong G/SPS/N/EU/573 (ngày 22 tháng 6 năm 2022) hiện được thông qua bởi Quy định của Ủy ban (EU) 2023/173 ngày 26 tháng 01 năm 2023 sửa đổi Phụ lục II và III của Quy định (EC) số 396/2005 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu về mức dư lượng tối đa đối với 1-methyl-3- (trifluoromethyl)-1H-pyrazole-4- carboxamide, cycloxydim, cyflumetofen, cyfluthrin, metobromuron và penthiopyrad trong hoặc trên một số sản phẩm (Văn bản có liên quan đến EEA) [OJ L 25, 27 tháng 01 năm 2023, tr. 1].  Quy định sẽ được áp dụng từ ngày 16 tháng 8 năm 2023. <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/EEC/23_0741_00_e.pdf> |
| 12 | G/SPS/N/UKR/191 /Add.1 | ATTP, BVTV, TY,QLCL, CT | U-crai-na | 25/01/2023 | Dự thảo Lệnh của Bộ Y tế U-crai-na "Về việc phê duyệt các yêu cầu đối với vật liệu và vật phẩm có chứa vinyl clorua tiếp xúc với thực phẩm" | U-crai-na thông báo về việc thông qua Lệnh của Bộ Y tế U-crai-na số 2199 "Về việc phê duyệt các yêu cầu đối với vật liệu và vật phẩm có chứa vinyl clorua tiếp xúc với thực phẩm" vào ngày 05 tháng 12 năm 2022. Lệnh này đã được đăng ký với Bộ Tư pháp U-crai-na vào ngày 21 tháng 12 năm 2022, được công bố và có hiệu lực vào ngày 18 tháng 01 năm 2023.  Lệnh sẽ có hiệu lực đầy đủ vào ngày 19 tháng 11 năm 2025. <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/UKR/23_0676_00_x.pdf> |
| 13 | G/SPS/N/CAN/1461 /Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 25/01/2023 | Đã thiết lập giới hạn dư lượng tối đa: Dicamba | Tài liệu giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất cho dicamba được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1461 (ngày 20 tháng 10 năm 2022) được thông qua vào ngày 16 tháng 01 năm 2023:   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 0.02 | Hạt canarygrass |   1. ppm = phần triệu |

Chi tiết nội dung dự thảo xin truy cập địa chỉ: http://www.spsvietnam.gov.vn/thong-bao-cac-nuoc-thanh-vien hoặc tham khảo trên: https://docs.wto.org